

Bản án số: 297/2020/HS-PT

Ngày 05-11-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quốc Bảo

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Dung

Bà Lê Thị Phương Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Kim Oanh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:

Bà Thiều Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 242/2020/TLPT-HS ngày 05 tháng 10 năm 2020 đối với bị cáo Vũ Đình T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 36/2020/HS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh T.

- Bị cáo có kháng cáo:

Vũ Đình T, sinh năm 1984, tại xã Ba Đình, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú tại thôn M, xã B, huyện N, tỉnh T; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Đình C và bà Nguyễn Thị T; có vợ và 02 con; tiền sự: Không;

Tiền án: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2016/HS-ST ngày 19/5/2016 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh T, tuyên bố bị cáo Vũ Đình T phạm tội trộm cắp tài sản, xử phạt bị cáo Vũ Đình T 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, về hành vi bị cáo trộm cắp tài sản ngày 13/11/2015.

Nhân thân:

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2016/HS-ST ngày 03/11/2016 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh T, tuyên bố bị cáo Vũ Đình T phạm tội trộm cắp tài sản, xử phạt bị cáo Vũ Đình T 6 (sáu) tháng tù, về hành vi bị cáo trộm cắp tài sản ngày 17/4/2016.

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2019/HS-ST ngày 02/01/2019 của Tòa án nhân dân Quận 9, thành phố H, tuyên bố bị cáo Vũ Đình T phạm tội trộm cắp tài sản, xử phạt bị cáo Vũ Đình T 01 (một) năm tù về hành vi bị cáo trộm cắp tài sản ngày 04/01/2018; tổng hợp hình phạt 06 (sáu) tháng tù của Bản án số 12/2016/HSST ngày 19/5/2016 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh T, hình phạt

chung của hai Bản án bị cáo phải chấp hành là 18 (mười tám) tháng tù, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 09/9/2019.

Bị bắt, tạm giữ từ ngày 30/11/2016 đến ngày 06/12/2016 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; bị bắt tạm giam sau khi tuyên án sơ thẩm ngày 28/8/2020; Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo:

Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1947, là mẹ đẻ của bị cáo Vũ Đình T.

Địa chỉ: Thôn M, xã B, huyện N, tỉnh T.

Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 7 giờ 30 phút, ngày 30/11/2016, Vũ Đình T đi xe đạp đến nhà người quen ở xã NT chơi; khi đi qua cổng Trường mầm non xã NT, thì nhìn thấy xe mô tô nhãn hiệu Sirius biển kiểm soát 36U8-2436, của bị hại Vũ Thị N đang dựng bên trong cổng trường, chìa khóa đang cắm ở ổ khóa, do vậy nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe này; quan sát xung quanh thấy không có người trông coi, Vũ Đình T đi vào bên trong trường, rồi điều khiển xe mô tô này đến xã NM gạ bán xe nhưng không ai mua; sau đó Vũ Đình T nhận được điện thoại của Công an và gia đình vận động ra đầu thú, nên khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày 30/11/2016 Vũ Đình T đến Công an đầu thú và giao nộp chiếc mô tô do mình vừa trộm cắp.

Tại Biên bản kết luận định giá tài sản ngày 24/01/2017, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự, thuộc Ủy ban nhân dân huyện N, kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Sirius, biển kiểm soát 36U8-2436 trong vụ trộm cắp tài sản xảy ra ngày 30/11/2016 tại xã NT, huyện N có giá trị là 5.300.000 (Năm triệu ba trăm nghìn) đồng. Chiếc mô tô này là của bị hại Vũ Thị N, đã được cơ quan Công an trả lại cho bị hại; sau khi nhận lại tài sản bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại.

Trong thời gian điều tra vụ án, bị cáo Vũ Đình T bỏ trốn, Cơ quan điều tra đã ra quyết định truy nã. Quá trình tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm, bị cáo có Bệnh án tâm thần cộng đồng nên Cơ quan điều tra Công an huyện N ra quyết định trưng cầu giám định pháp y tâm thần.

Tại Kết luận giám định pháp y tâm thần số 151/KLGD ngày 05/5/2020 của Viện pháp y tâm thần Trung ương, kết luận: Trong khi thực hiện hành vi phạm tội ngày 30/11/2016 và tại thời điểm giám định Vũ Đình T bị bệnh động kinh toàn thể cơn lớn có biến đổi nhân cách; theo phân loại bệnh Quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số G40.6; tại các thời điểm trên Vũ Đình T đủ khả năng nhận thức, hạn chế khả năng điều khiển hành vi.

Quá trình tiến hành tố tụng, bị cáo thành khẩn khai báo và mời mẹ đẻ của bị cáo là bà Nguyễn Thị T là người bào chữa cho bị cáo, bà Nguyễn Thị T đồng ý với yêu cầu của bị cáo.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2020/HSST ngày 28/8/2020, của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh T, đã quyết định: Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm q điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, khoản 2 Điều 56, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi năm 2017; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về thi hành Bộ luật hình sự; tuyên bố bị cáo Vũ Đình T phạm tội trộm cắp tài sản; xử phạt bị cáo Vũ Đình T 12 (mười hai) tháng tù, tổng hợp hình phạt 06 (sáu) tháng tù của Bản án số 12/2016/HSST ngày 19/5/2016 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh T, hình phạt chung của 02 bản án bị cáo Vũ Đình T phải chấp hành là 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 28/8/2020, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 30/11/2016 đến ngày 06/12/2016; Bản án còn quyết định án phí, quyền kháng cáo.

Ngày 07/9/2020, bị cáo Vũ Đình T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, vì cho rằng mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm quyết định đối với bị cáo là quá nặng, bị cáo là người bị động kinh, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn mẹ già, vợ bị ốm, con còn nhỏ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Vũ Đình T giữ nguyên nội dung kháng cáo, thành khẩn khai báo, không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ mới.

- Quan điểm bào chữa của người bào chữa tại phiên tòa phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị T đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa thực hành quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, thấy rằng các quyết định của Bản án sơ thẩm là có căn cứ, đúng pháp luật; tại cấp xét xử phúc thẩm, bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; do vậy đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên án hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của bị cáo Vũ Đình T được làm trong thời hạn luật định là hợp lệ nên được chấp nhận để xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Lời khai của bị cáo Vũ Đình T tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, do vậy có đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng hơn 7 giờ 30 phút, ngày 30/11/2016, tại Trường mầm non, xã NT, huyện N, tỉnh T, bị cáo Vũ Đình T thực hiện hành vi bí mật, lén lút chiếm đoạt một chiếc mô tô có giá trị 5.300.000 (Năm triệu ba trăm nghìn) đồng của bị hại Vũ Thị N; hành vi của bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm trái phép sở hữu tài sản của người khác, ngoài ra còn ảnh hưởng đến trật tự trị an xã hội; do vậy đã phạm tội trộm cắp tài sản và bị Tòa án nhân dân huyện N tuyên bố bị cáo Vũ Đình T phạm tội trộm cắp tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét nội dung kháng cáo:

Bị cáo Vũ Đình T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, vì cho rằng mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm quyết định đối với bị cáo là quá nặng, bị cáo là người bị động kinh nên bị hạn chế khả năng điều khiển hành vi, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn mẹ già, vợ bị ốm, con còn nhỏ, bị cáo là lao động chính trong gia đình.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Bị cáo trộm cắp tài sản có giá trị 5.300.000 (năm triệu ba trăm nghìn) đồng có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội không lớn; với hành vi này, mức hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; bị cáo phạm tội trong thời gian đang chấp hành thời gian thử thách của bản án treo và sau đó còn 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp và 02 lần bị Tòa án tuyên bố phạm tội trộm cắp tài sản, tuy rằng hành vi phạm tội trước xử sau, hành vi phạm tội sau xử trước, nhưng chứng tỏ bị cáo có nhân thân không tốt; bị cáo phạm tội trong thời gian thử thách của bản án treo nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; khi thực hiện hành vi phạm tội và hiện tại bị cáo có bệnh bị hạn chế khả năng điều khiển hành vi, trong quá trình tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thành khẩn khai báo, sau khi phạm tội bị cáo ra đầu thú, các tình tiết tiết này là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm q điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, và đã được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng là có căn cứ và đúng pháp luật.

Các lý do bị cáo đưa ra để xin giảm nhẹ hình phạt, gồm: Bị cáo bị bệnh động kinh nên bị hạn chế khả năng điều khiển hành vi, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đã được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng để quyết định hình phạt đối với bị cáo; bị cáo còn cho rằng bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, mẹ già, vợ bị ốm, con còn nhỏ, bị cáo là lao động chính trong gia đình, các tình tiết này không phải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 51 của Bộ luật Hình sự; do vậy không phải là căn cứ để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tuy nhiên, bị cáo trộm cắp tài sản có giá trị 5.300.000 (Năm triệu ba trăm nghìn) đồng, là trường hợp phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, nhưng chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét áp dụng để quyết định hình phạt; do vậy tại cấp xét xử phúc thẩm cần áp dụng và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[3] Án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm vì yêu cầu kháng cáo của bị cáo được chấp nhận.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vũ Đình T, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2020/HSST ngày 28/8/2020, của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh T về phần hình phạt và áp dụng điều luật.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm h điểm q điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, khoản 2 Điều 56, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi năm 2017; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về thi hành Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Vũ Đình T phạm tội trộm cắp tài sản.

Xử phạt bị cáo Vũ Đình T 09 (chín) tháng tù, tổng hợp hình phạt 06 (sáu) tháng tù của Bản án số 12/2016/HS-ST ngày 19/5/2016 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh T, hình phạt chung của 02 bản án bị cáo Vũ Đình T phải chấp hành là 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 28/8/2020, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 30/11/2016 đến ngày 06/12/2016.

3. Căn cứ vào điểm h khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Bị cáo Vũ Đình T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm số 36/2020/HS-ST ngày 28/8/2020, của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh T không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND huyện N;
- VKSND huyện N;
- Công an huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Bị cáo;
- Trại tạm giam;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Quốc Bảo